

Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế trong sử dụng đất nông nghiệp ở tỉnh Yên Bái

BÙI NỮ HOÀNG ANH
TRẦN CHÍ THIỆN

Bài viết phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế trong sử dụng đất nông nghiệp của tỉnh Yên Bái dựa trên số liệu khảo sát 270 nông hộ trong 3 huyện đại diện cho 3 vùng sinh thái - nhân văn - một tỉnh miền núi nghèo phía Bắc Việt Nam. Phương pháp Categories đã tóm tắt 126 nhân tố ảnh hưởng cụ thể thành 6 nhân tố tổng hợp. Mô hình hiệu ứng cố định (FEM) với dữ liệu mảng (Pannel Data) đã cho thấy mức độ ảnh hưởng cụ thể của 6 nhân tố cơ bản đến hiệu quả kinh tế trong sử dụng đất nông nghiệp. 6 nhóm giải pháp tương ứng cho toàn tỉnh và các giải pháp đặc thù theo từng loại đất nông nghiệp, theo độ dốc của đất nông nghiệp đã được đề xuất. Trong đó, cần đặc biệt chú trọng cải thiện nhân tố xã hội (bao gồm cả trình độ dân trí, chính sách, cách thức tổ chức sản xuất,...). Các nhân tố khác về kỹ thuật - công nghệ, cơ sở hạ tầng, điều kiện sản xuất của nông hộ, điều kiện tự nhiên và thị trường cũng cần được quan tâm thỏa đáng.

1. Phương pháp nghiên cứu

1.1. Giới thiệu địa bàn nghiên cứu

Yên Bái là một tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam. Đất đai của Yên Bái đa dạng về chủng loại, đất nông nghiệp chiếm tới gần 80% tổng diện tích tự nhiên, nhưng phần lớn diện tích là đất dốc. Tuy có diện tích tương đối lớn nhưng địa hình phức tạp, chủ yếu là đồi núi, trình độ dân trí chưa cao nên khả năng khai thác nguồn tài nguyên đất nói chung và đất nông nghiệp nói riêng phục vụ sản xuất còn hạn chế. Sản xuất kém phát triển, hiệu quả kinh tế không cao, trong khi nguồn thu nhập chính của người dân nơi đây phụ thuộc vào sản xuất nông nghiệp. Vì vậy, đời sống nhân dân trong tỉnh còn gặp nhiều khó khăn. Đến năm 2012, thu nhập bình quân đầu người của tỉnh mới chỉ đạt 16.6 triệu đồng/năm, chỉ bằng 53,9% mức thu nhập bình quân của cả nước. Muốn nâng cao mức sống của người dân,

cần thực thi đồng bộ nhiều giải pháp, trong đó có các giải pháp nâng cao hiệu quả kinh tế trong sử dụng đất nông nghiệp.

1.2. Chọn điểm nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, chúng tôi chọn 3 vùng (vùng thấp, vùng giữa và vùng cao) với 3 huyện đại diện căn cứ vào độ cao so với mực nước biển (Yên Bình, Văn Chấn, Mù Cang Chải). Mỗi huyện chọn 3 xã, trong mỗi xã chọn 3 thôn/bản, trong mỗi thôn/bản chọn 12 nông hộ để điều tra. Sau khi tổng hợp và xử lý số liệu, 270 nông hộ có thông tin đảm bảo độ tin cậy được sử dụng trong nghiên cứu. Đặc điểm mẫu điều tra được thể hiện trong bảng 1. Những thông tin mà nông hộ cung cấp là đủ độ tin cậy để dùng cho phân tích.

Bùi Nữ Hoàng Anh, Th.S., Trần Chí Thiện, PGS.TS.
Trường Đại học Kinh tế và quản trị kinh doanh, Đại học Thái Nguyên.

BẢNG 1: Đặc điểm của mẫu điều tra

Chỉ tiêu	ĐVT	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1. Giới tính chủ hộ			
1.1. Nam	người	195	60,18
1.2. Nữ	người	129	39,82
2. Tuổi			
2.1. Trung bình	tuổi	42	-
2.2. Cao nhất	tuổi	65	-
2.3. Thấp nhất	tuổi	19	-
3. Tình trạng giáo dục của chủ hộ			
3.1. Chưa biết đọc, biết viết	người	49	15,12
3.2. Từ THPT trở xuống	người	159	49,07
3.3. Trung cấp, cao đẳng	người	71	21,91
3.4. Đại học	người	45	13,89
4. Thời gian sử dụng đất nông nghiệp			
4.1. Trung bình	năm	27	-
4.2. Lâu dài nhất	năm	50	-
4.3. Ngắn nhất	năm	5	-
5. Số thửa đất hiện có của hộ			
5.1. Trung bình	thửa	5	-
5.2. Nhiều nhất	thửa	8	-
5.3. Ít nhất	thửa	2	-

Nguồn: Tổng hợp và tính toán của các tác giả.

1.3. Thu thập thông tin

Các thông tin sơ cấp được thu thập qua điều tra phỏng vấn hộ, thảo luận nhóm, tham khảo ý kiến của các chuyên gia. Các thông tin sơ cấp được điều tra trong 4 năm (2008-2011).

1.4. Phương pháp tổng hợp và phân tích thông tin

Các thông tin thu thập được tổng hợp bằng phương pháp phân tổ, bảng và đồ thị thống kê. Phương pháp Categories và phân tích dữ liệu hỗn hợp (dữ liệu mảng) được sử dụng để phân tích các nhân tố ảnh hưởng

đến hiệu quả kinh tế trong sử dụng đất nông nghiệp tại tỉnh Yên Bái.

1.5. Phương pháp đánh giá nông thôn có sự tham gia (PRA)

6 nhóm với 60 lượt người dân theo nhiều tiêu chí lựa chọn đã tham gia tại các xã được chọn để thu thập thông tin về thực trạng sử dụng đất nông nghiệp và các giải pháp ưu tiên lựa chọn nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế cho các loại hình sử dụng đất nông nghiệp chủ yếu.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Kết quả tổng hợp các biến bằng phương pháp Categories

Trong quá trình nghiên cứu, 126 biến số (nhân tố) chi tiết có ảnh hưởng ở mức độ khác nhau đến hiệu quả kinh tế trong sử dụng đất nông nghiệp tại các vùng điều tra đã được lựa chọn. Các biến được lựa chọn bao gồm cả biến định lượng và biến định tính. Để đạt được mục tiêu nghiên cứu, chúng tôi đã lựa chọn phương pháp Categories để tổng hợp các biến này. Kết quả thu được 6 nhân tố tổng hợp, cụ thể như sau:

- Nhân tố 1 gồm 15 biến từ X_1 đến X_{15} được gọi là điều kiện tự nhiên.
- Nhân tố 2 gồm 7 biến từ X_{16} đến X_{22} được gọi là điều kiện kinh tế - xã hội.
- Nhân tố 3 gồm 3 biến từ X_{23} đến X_{25} được gọi là cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất.
- Nhân tố 4 gồm 5 biến từ X_{26} đến X_{30} được gọi là kỹ thuật - công nghệ trong sản xuất nông nghiệp.
- Nhân tố 5 gồm 32 biến từ X_{31} đến X_{62} được gọi là điều kiện sản xuất của nông hộ.
- Nhân tố 6 gồm 64 biến từ X_{63} đến X_{126} được gọi là thị trường.

Kết quả kiểm định cho thấy cả 6 nhân tố đều có ý nghĩa thống kê. Sau khi lựa chọn, kiểm định, thu được kết quả từ việc áp dụng phương pháp Categories và xử lý bằng hệ số Cronbach's alpha. Bảng 2 dưới đây minh họa kết quả kiểm định một số biến theo phương pháp này.

BẢNG 2: Minh họa kết quả kiểm định Cronbach's Alpha cho một số biến

Biến tổng hợp	Biến thành phần	Cronbach's Alpha	Kết luận
1. Độ phì của đất	- pH đất	1,000	Chấp nhận
	- Chất hữu cơ		
	- Lân hữu dụng		
	- Hô hấp đất		
2. Tập quán	- Tập quán sinh hoạt	1,000	Chấp nhận
	- Tập quán canh tác		
3. Hợp tác chuyển giao	- Hợp tác cộng đồng	0,807	Tốt
	- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng		
	- Chuyển giao kỹ thuật		
	- Áp dụng công nghệ		
4. Khả năng, nhận thức	- Đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi	0,924	Chấp nhận
	- Vai trò của hợp tác		
	- Khả năng tiếp cận tín dụng		
	- Khả năng tiếp cận thị trường		

Nguồn: Tổng hợp kết quả xử lý dữ liệu điều tra.

2.2. Kết quả phân tích mô hình dữ liệu mảng

2.2.1. Lý do lựa chọn mô hình

Mô hình dữ liệu mảng (Panel Data Model - PDM) được chúng tôi lựa chọn để phân tích với những lý do sau: khắc phục được vấn đề "thiếu biến", không cần có sự hiện diện của một số biến không quan sát được mà vẫn có thể nhận thấy mối quan hệ giữa lợi nhuận/lợi ích với các biến nghiên cứu; tính đến sự khác nhau giữa các cá thể (huyện, xã, thôn/bản); phù hợp với địa bàn nghiên cứu (không cần thời gian điều tra dài mà vẫn có nhiều quan sát); có khả năng nâng cao hiệu quả của ước lượng trong điều kiện số liệu phong phú, biến thiên nhiều, giảm thiểu hiện tượng cộng tuyến giữa các biến, nhiều độ tự do hơn; mô hình PD cũng phù hợp với nghiên cứu này vì trong những vấn đề liên quan đến sử dụng đất nông nghiệp luôn chứa sự thay đổi với các yếu tố động; mô hình này cho phép nghiên cứu vấn đề phức tạp liên quan

đến sự thay đổi quy mô, kỹ thuật - công nghệ và giúp tối thiểu hóa mức độ chệch (bias) khi gộp các cá thể.

2.2.2. Mô hình cụ thể

Để quyết định sử dụng mô hình tác động cố định (FEM) hay tác động ngẫu nhiên (REM), chúng tôi kết hợp phân tích khả năng đáp ứng các điều kiện của bài toán với kết quả kiểm định Hausman. Bài toán nghiên cứu về các nhân tố có ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế trong sử dụng đất nông nghiệp. Chúng tôi thấy, nghiên cứu này có số cá thể (N) lớn và thời gian điều tra (T) nhỏ hơn. N đủ lớn để có thể áp dụng luật số lớn ($N > 30$), các suy diễn thống kê áp dụng theo chiều ngang của số liệu. Mặt khác, thực hiện kiểm định với các giả thuyết như sau:

H_0 : không có hiện tượng thiếu biến do không quan sát được.

H_1 : có hiện tượng thiếu biến do không quan sát được.

Kết quả kiểm định cho giá trị Prob hay mức xác suất viết tắt là P-value = 0,0075. Với $\alpha = 0,05$ ta thấy P-value < 0,05. Kết luận: bác bỏ giả thuyết H_0 , nghĩa là vấn đề thiếu biến đo không quan sát được là không tránh khỏi. Thực tế cho thấy, các biến không quan sát được đó lại tương quan với một hoặc một số biến giải thích trong mô hình. Với cả hai căn cứ trên, mô hình hiệu ứng cố định (FEM) được lựa chọn để làm giảm độ chệch của ước lượng. Dạng tổng quát của mô hình như sau:

$$Y_{it} = \alpha + \beta_1 X_{1it} + \beta_2 X_{2it} + \dots + \beta_k X_{kit} + u_{it}$$

Trong đó: Y_{it} là biến phụ thuộc, $X_{1it}, X_{2it}, \dots, X_{kit}$ là những biến độc lập (biến ảnh hưởng), α là hệ số chặn, β là hệ số góc, i và t là những chỉ số (t là chỉ số theo thời gian, i là chỉ số theo không gian).

Về lựa chọn biến phụ thuộc, thực tế cho thấy, có rất nhiều chỉ tiêu phản ánh hiệu quả kinh tế trong sử dụng đất nông nghiệp, chẳng hạn như: tỷ suất giá trị sản xuất theo chi phí (GO/IC), tỷ suất giá trị tăng thêm theo chi phí (VA/IC), tỷ suất thu nhập hỗn hợp theo chi phí (MI/IC), tỷ suất giá trị sản xuất theo công lao động (GO/LD), NPV, ... Các chỉ tiêu này đã được chúng tôi sử dụng với phương pháp truyền thống để đánh giá, so sánh hiệu quả của từng LUT tại mỗi vùng nghiên cứu và so sánh một LUT tại 3 vùng nghiên cứu với nhau. Trong mô hình dữ liệu hỗn hợp này, với mục tiêu là nhận diện các nhân tố ảnh hưởng và chỉ rõ mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đó tới hiệu quả kinh tế trong sử dụng đất nông nghiệp. Để đạt được mục tiêu đó, chúng tôi đã lựa chọn biến phụ thuộc là thu nhập hỗn hợp/1 ha đất nông nghiệp. Đây là một biến tổng hợp, phản ánh tốt nhất mối quan hệ so sánh giữa kết quả và chi phí bỏ ra để đạt được kết quả đó trong một thời kỳ nhất định.

Tiếp tục sử dụng P-value cho kiểm định T về các hệ số β_i và kiểm định F về sự phù hợp của hàm hồi quy. Kết quả thu được là tất cả giá trị của P-value trong các trường hợp kiểm định đều nhỏ hơn giá trị $\alpha = 0,05$. Kết quả đó cho thấy các hệ số của các biến tổng hợp được

lựa chọn (β_k) đều thực sự khác 0, điều đó có nghĩa là các biến X có ý nghĩa thống kê, biến thu nhập hỗn hợp/1 ha đất nông nghiệp thực sự phụ thuộc vào các biến X đã lựa chọn. Hàm hồi quy đặt ra là phù hợp và có ý nghĩa để phân tích. Các nhân tố tổng hợp được lựa chọn là phù hợp với dữ liệu điều tra các hộ nông dân và các biến đều đủ điều kiện đưa vào mô hình phân tích.

Từ kết quả sử dụng phương pháp Categories, 6 nhân tố tổng hợp ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp tại Yên Bái đã được nhận diện. Đây chính là 6 biến giải thích được đưa vào mô hình FEM với ký hiệu tương ứng: X_1 : điều kiện tự nhiên, X_2 : điều kiện kinh tế - xã hội, X_3 : cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, X_4 : kỹ thuật - công nghệ trong sản xuất nông nghiệp, X_5 : điều kiện sản xuất của nông hộ, X_6 : thị trường. Thu nhập hỗn hợp/1 ha đất nông nghiệp là biến phụ thuộc được ký hiệu là Y . Mô hình được viết như sau:

$$Y_{it} = 0,086 + 0,182X_1 + 0,215X_2 + 0,151X_3 + 0,197X_4 + 0,112X_5 + 0,150X_6$$

Kết quả chạy mô hình được thể hiện tóm tắt trong bảng 3 dưới đây.

BẢNG 3: Các hệ số của mô hình

Các hệ số, biến số	Hệ số		t	Mức ý nghĩa thống kê
	β	Độ lệch chuẩn		
Constant	0,086	0,159	4,725	0,001
Điều kiện tự nhiên	0,182	0,031	3,622	0,003
Điều kiện kinh tế - xã hội	0,215	0,058	4,010	0,005
Cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất	0,151	0,030	5,421	0,000
Kỹ thuật - công nghệ áp dụng trong sản xuất nông nghiệp	0,197	0,022	4,109	0,000
Điều kiện sản xuất của nông hộ	0,112	0,031	5,112	0,002
Thị trường	0,150	0,021	4,234	0,004
$R^2 = 0,536$				
$F = 6,280$ (Sig. F = 0,000)				

Nguồn: Kết quả chạy mô hình

Thông tin trong bảng 3 cho thấy: với t là hệ số tin cậy của các biến, t của tất cả các biến được đưa vào mô hình đều > 3 chứng tỏ khoảng tin cậy trên 95%. Giá trị của $R^2 = 0,536$ cho thấy mô hình lựa chọn là tương đối phù hợp với dữ liệu thu thập và 53,6% sự thay đổi hiệu quả kinh tế trong sử dụng đất nông nghiệp được giải thích bởi 6 nhân tố trong mô hình hay nói cách khác, cả 6 biến độc lập trong mô hình giải thích được 53,6% sự biến động của biến phụ thuộc. $F = 6,280$ (Sig. $F = 0,000$) cho thấy hàm số trên có ý nghĩa thống kê với độ tin cậy 99,9%. Tất cả các hệ số trong mô hình trên đều mang dấu dương, điều đó có nghĩa là cả 6 nhân tố nghiên cứu đều có tác động tích cực cùng chiều đến hiệu quả kinh tế trong sử dụng đất nông nghiệp. Nói cách khác, khi cải thiện bất kỳ nhân tố nào đều làm gia tăng thu nhập hỗn hợp trên một đơn vị diện tích đất nông nghiệp.

Về mức độ ảnh hưởng của các nhân tố, kết quả phân tích chung của cả 3 vùng nghiên cứu tại Yên Bái cho thấy, hiệu quả kinh tế trong sử dụng đất nông nghiệp chịu tác động tích cực của nhân tố điều kiện xã hội (trong đó có trình độ dân trí, khả năng, nhận thức của người nông dân, chính sách của Chính phủ, sự hợp tác trong sản xuất nông nghiệp...) với hệ số $\beta_2 = 0,215$; nhân tố kỹ thuật-công nghệ áp dụng trong sản xuất nông nghiệp với hệ số $\beta_4 = 0,197$; nhân tố điều kiện tự nhiên ($\beta_1 = 0,182$); nhân tố cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp ($\beta_3 = 0,151$); nhân tố thị trường ($\beta_6 = 0,150$); và nhân tố điều kiện sản xuất của nông hộ ($\beta_5 = 0,112$).

2.3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả kinh tế trong sử dụng đất nông nghiệp tại tỉnh Yên Bái

Kết quả nghiên cứu kết hợp với các số liệu thứ cấp được tổng hợp từ FAO Stat và Niên giám thống kê tỉnh Yên Bái cho thấy, hiệu quả kinh tế trong sử dụng đất nông nghiệp tại tỉnh Yên Bái chưa cao. Cả năng suất vật nuôi, cây trồng, giá bán hầu hết các loại nông sản cũng như thu nhập của các hộ nông dân của tỉnh Yên Bái đều thấp hơn mức trung bình

trong cả nước và thế giới. Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng này, song cơ bản có 6 nhân tố tổng hợp, đó là: điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, kỹ thuật - công nghệ áp dụng trong sản xuất nông nghiệp, điều kiện sản xuất của nông hộ, thị trường. Vì vậy, các giải pháp được đề xuất, bao gồm:

Thứ nhất, gỡ bỏ các rào cản về kinh tế - xã hội với các nội dung cụ thể như sau:

- * Tập trung đào tạo, phát triển nguồn nhân lực
- Đối với đội ngũ cán bộ quản lý:

+ Xác định rõ chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị để hình thành tiêu chuẩn cán bộ theo hướng chuyên nghiệp, chất lượng cao. Trên cơ sở đó rà soát, lập kế hoạch bố trí, đào tạo và thu hút nhân tài.

+ Xây dựng chương trình đào tạo phát triển nguồn nhân lực có trình độ cao, có khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn sản xuất nông nghiệp.

+ Xây dựng kế hoạch đào tạo cho từng chuyên ngành (trồng trọt, chăn nuôi, thú y, thủy sản, lâm nghiệp,...) theo hướng gửi đi đào tạo ở nước ngoài và tại các trường chuyên nghiệp trong nước.

+ Có chính sách tuyển dụng cán bộ trẻ, có trình độ, năng lực. Tăng cường công tác luân chuyển cán bộ, nhất là cán bộ quản lý.

- Đối với nông dân:

+ Đào tạo một cách có hệ thống, có cấp bậc cho lao động nông nghiệp. Ban hành chính sách khuyến khích nông dân học nghề (ưu đãi vốn vay, ưu đãi tích tụ ruộng đất trong giới hạn được phép, hỗ trợ áp dụng tiến bộ khoa học - công nghệ).

+ Phát huy vai trò của Hội Nông dân, hợp tác xã và các hiệp hội sản xuất trong việc dạy nghề, tiếp thu khoa học - công nghệ, tiếp cận thông tin.

+ Xây dựng đội ngũ phát triển cộng đồng, tập trung nâng cao kiến thức cho cán bộ cơ sở.

+ Khuyến khích đội ngũ trí thức phục vụ nông nghiệp, nông thôn (thành lập doanh

ngành. xây dựng trang trại, mở dịch vụ khoa học - công nghệ....)

+ Tăng cường công tác tuyên truyền, đổi mới, nâng cao nhận thức cho nông dân. Tăng cường thời lượng phát sóng các kênh truyền hình, kênh phát thanh các chuyên mục phục vụ phát triển nông nghiệp. Xây dựng chính sách khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia cung cấp thông tin về sản xuất nông nghiệp trên các phương tiện thông tin đại chúng. Ưu tiên cho công tác in ấn, phát hành sách báo phổ biến kỹ thuật trong nông nghiệp. Xây dựng quỹ hỗ trợ cho các sáng tác có nội dung tuyên truyền về các chương trình phát triển nông nghiệp.

* Tăng cường công tác khuyến nông

Thực hiện có hiệu quả việc xã hội hoá công tác khuyến nông. Cần xây dựng phương án đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn của mạng lưới khuyến nông đến từng thôn, bản. Các cán bộ khuyến nông cần thực hiện phương châm “3 cùng” và “cầm tay chỉ việc” trong công tác khuyến nông, đặc biệt là trong việc áp dụng các thành tựu khoa học công nghệ trên đất dốc. Mặt khác, tỉnh cũng cần điều chỉnh chế độ thù lao đối với các cán bộ khuyến nông cơ sở nhằm động viên, khuyến khích cán bộ khuyến nông phát huy hết năng lực. Cần đào tạo chuyên môn về khoa học công nghệ sử dụng đất dốc cho các cán bộ nông nghiệp từ tỉnh đến huyện và các cán bộ khuyến nông vì đất dốc là đặc trưng của đất nông nghiệp của tỉnh Yên Bái.

* Nâng cao hiệu quả tổ chức sản xuất, kinh doanh

- Tổng kết, đổi mới và xây dựng các mô hình kinh tế, các hình thức tổ chức sản xuất sử dụng hiệu quả đất nông nghiệp tại các địa phương. Xây dựng chính sách khuyến khích phát triển các mối liên kết giữa nông dân với các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức khoa học, hiệp hội ngành hàng và thị trường tiêu thụ sản phẩm để hỗ trợ kinh tế hộ phát triển theo hướng trang trại có quy mô phù hợp, tự trọng sản phẩm hàng hóa lớn.

- Tiếp tục phát triển kinh tế hộ lên một bước mới theo hướng chuyên môn hóa. Đưa sản xuất theo mô hình trang trại ra khỏi khu dân cư, hình thành các vùng chuyên canh sản xuất hàng hóa, các vùng nguyên liệu phục vụ chế biến và xuất khẩu.

- Ưu tiên khuyến khích phát triển kinh tế hợp tác (ưu đãi về vốn vay, đào tạo, thuê đất, chuyển giao kỹ thuật, phát triển thị trường, xúc tiến thương mại,...), khuyến khích các hiệp hội ngành hàng nhằm liên kết các nông hộ, các trang trại với nhau. Có như vậy mới thuận lợi trong việc tăng cường quy mô sản xuất, tăng hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp.

- Rà soát hiện trạng sử dụng quỹ đất nông nghiệp, thu hồi đất nông nghiệp sử dụng sai mục đích, kém hiệu quả giao lại cho chính quyền địa phương để cho các tổ chức, cá nhân khác thuê sử dụng với hiệu quả cao hơn.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản sử dụng nguyên liệu và lao động nông nghiệp tại chỗ. Đầu tư phát triển các doanh nghiệp công nghiệp chế tạo máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất nông nghiệp. Phát triển và bảo tồn các nghề mang bản sắc dân tộc và làm tăng thu nhập của nông dân bằng việc gắn các loại hình sử dụng đất nông nghiệp với du lịch sinh thái.

- Phát động rộng rãi chương trình xây dựng nông thôn mới để các tổ chức của nông dân đóng vai trò chủ động trong việc huy động lực lượng và tham gia quản lý các chương trình phát triển nông thôn, Phát huy sức mạnh cộng đồng trong quá trình xây dựng chiến lược, triển khai và quản lý xã hội, quản lý các tài nguyên nói chung và đất nông nghiệp nói riêng.

* Tăng cường huy động các nguồn vốn, hỗ trợ về vốn và tín dụng

- Để có được khoản vốn lớn để thực hiện một hệ thống các giải pháp toàn diện nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp, đối với một tỉnh nghèo như Yên Bái, tỉnh cần đa dạng hóa các kênh huy động. Các nguồn

có thể huy động có thể bao gồm: các nguồn ngân sách trung ương, địa phương; vốn tín dụng đầu tư; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài; vốn doanh nghiệp và huy động từ dân cư.

- Cần tiến hành lồng ghép với các chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng.

- Tiếp tục chính sách hỗ trợ xây dựng ruộng bậc thang và nương cố định, đề nghị tăng mức hỗ trợ làm ruộng bậc thang lên 10 triệu đồng/hecta để đáp ứng tối hơn nhu cầu chuyển đổi phương thức canh tác trên đất dốc sang các phương thức tiên tiến và bền vững.

- Hỗ trợ đổi với đất nương rẫy chuyển sang trồng chè và cây ăn quả và trồng rừng, đề nghị mức hỗ trợ 6 - 8 triệu đồng/hecta để đáp ứng nhu cầu kinh phí cho chuyển đổi mục tiêu sử dụng đất hiệu quả và bền vững hơn.

- Đối với những hộ trồng mới chè, trồng cây ăn quả, trồng rừng, cần duy trì hưởng chế độ đầu tư và vay vốn tín dụng lồng ghép các dự án như dự án ADB, dự án 5 triệu hecta rừng,

- Thực hiện các chính sách hỗ trợ giống (như đã làm với giống ngô) đối với các giống lúa nương, chè, cây ăn quả và đậu tương, cỏ trồng chăn nuôi, giống cây lâm nghiệp.

- Ưu đãi vốn vay cho những hộ nông dân phát triển mô hình trang trại.

Thứ hai, phát triển và ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

- Thực hiện mô liên kết "4 nhà": nhà nước - nhà nông - nhà khoa học - nhà doanh nghiệp để phát huy tổng hợp thế mạnh trong phát triển sản xuất nông nghiệp. Trong đó, doanh nghiệp tích cực tìm kiếm thị trường tiêu thụ; nông dân hợp tác sản xuất có định hướng theo hợp đồng; nhà khoa học nghiên cứu đưa ra các giải pháp tăng sản lượng, cải thiện chất lượng, giảm giá thành sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh; nhà nước thể hiện vai trò trung gian kết nối giữa các nhà với nhau, đồng thời đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cung cấp thông tin, tiêu chuẩn hóa sản phẩm xuất khẩu, có cơ chế thúc đẩy sản

xuất, hỗ trợ tín dụng và tổ chức thực hiện liên kết.

- Tập trung nghiên cứu và đưa vào ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật của những ngành mũi nhọn. Ưu tiên đầu tư ứng dụng công nghệ sinh học để chọn, tạo ra nhiều giống cây trồng, vật nuôi và quy trình nuôi trồng, bảo quản, chế biến; tạo sự đột phá về năng suất, chất lượng cũng như hiệu quả sản xuất. Tập trung giải quyết những vấn đề quan trọng có ý nghĩa quyết định đến hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp như: nghiên cứu thị trường nông sản, phòng chống thiên tai, phòng chống dịch bệnh, cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp,...

- Nghiên cứu và ứng dụng mô hình canh tác trên đất dốc nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng và bảo vệ môi trường cho các huyện và xã vùng cao. Chú trọng kỹ thuật canh tác, hạn chế tối thiểu xói mòn; thực hiện các biện pháp giữ ẩm, tưới tiết kiệm; áp dụng các mô hình nông - lâm và nông - lâm - ngư nghiệp.

- Tăng cường tỷ trọng vốn ngân sách cho nghiên cứu, chuyển giao khoa học, công nghệ, nâng cao tỷ lệ đóng góp của khoa học - công nghệ cho sự tăng trưởng của ngành nông nghiệp.

- Củng cố và hoàn thiện cơ sở vật chất, nhân lực cho các đơn vị có chức năng nghiên cứu ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất như: Trung tâm giống vật nuôi, Trung tâm giống cây trồng, Trại sản xuất giống lúa, Trại giống thủy sản, Trung tâm nuôi cấy mô tế bào thực vật.

- Xây dựng chính sách đãi ngộ thỏa đáng để tạo động lực phát huy tốt năng lực cán bộ khoa học, khuyến khích mọi thành phần tham gia đầu tư nghiên cứu, chuyển giao khoa học - công nghệ, khuyến khích thanh niên, trí thức trẻ am hiểu về khoa học - kỹ thuật về nông thôn công tác.

Tăng cường năng lực cho hệ thống khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, thú y, bảo vệ thực vật và các dịch vụ khác ở nông thôn. Gắn hiệu quả cung cấp dịch vụ với lợi ích vật chất và tinh thần của đội ngũ cán bộ.

Chọn lọc và đào tạo chuyên môn hóa đội ngũ cán bộ làm công tác khoa học, chuyển những cán bộ không có năng lực hoạt động khoa học - công nghệ sang công tác khác.

- Xã hội hóa hoạt động khoa học - công nghệ, khuyến khích mọi thành phần tham gia đầu tư nghiên cứu và chuyển giao tiến bộ khoa học - công nghệ. Dành một phần quỹ đất để nghiên cứu khoa học trong nông nghiệp, đầu tư xây dựng các khu công nghệ cao.

- Bố trí cơ cấu cây trồng, vật nuôi và điều kiện thời vụ sát với điều kiện sinh thái của từng vùng. Chú trọng cải tạo mặt bằng đồng ruộng kết hợp với tăng cường thủy lợi nội đồng để tạo môi trường tốt cho việc áp dụng các kỹ thuật canh tác trên đồng ruộng.

Thứ ba, khắc phục những khó khăn về điều kiện tự nhiên

- Nhận thức đúng về những ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên đối với sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp. Từng bước làm chủ cuộc sống và sản xuất, thích ứng với điều kiện địa hình, thời tiết, khí hậu trong bối cảnh hiện nay.

- Không ngừng tìm kiếm những biện pháp cụ thể để biến những thách thức của điều kiện tự nhiên thành những cơ hội mới, những lợi thế riêng trong sinh hoạt cũng như trong sản xuất kinh doanh bằng cách tạo ra những sản phẩm hàng hóa và dịch vụ từ nông nghiệp mang đậm bản sắc vùng miền mà những địa phương khác không có, khai thác hiệu quả quỹ đất nông nghiệp chưa sử dụng.

Thứ tư, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, kinh doanh nông sản

- Giao thông: là một nhân tố quan trọng nhất đến hình thành và phát triển nền sản xuất hàng hóa, hạ tầng giao thông được cải thiện sẽ làm thay đổi phương thức sản xuất hiện tại theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao giá trị trên một đơn vị diện tích.

- Thủy lợi: kết quả điều tra ở nhiều địa phương cho thấy, nơi nào làm tốt công tác thủy lợi, đất ruộng được đầu tư thâm canh, tăng vụ thì nơi ấy giảm được canh tác nương

rẫy do làm ruộng đủ lương thực, nên người dân sẽ dần dần chuyển đất nương rẫy sang trồng rừng hoặc các cây trồng khác có hiệu quả kinh tế và môi trường cao hơn, đặc biệt làm tốt công tác thủy lợi nhỏ sẽ tạo được nguồn nước để xây dựng ruộng bậc thang.

- Chợ và các trung tâm thương mại: xây dựng các trung tâm thương mại ở cấp huyện và các trung tâm của vùng trong tỉnh, đồng thời cần hỗ trợ các xã xây dựng chợ hoặc mở rộng chợ để tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi, mua bán hàng hóa nông, lâm, thủy sản. Xây dựng các chợ đầu mối ở vùng trọng điểm. Trước mắt có thể chọn những địa điểm thuận lợi về giao thông, kho bãi để xây dựng chợ nông sản đầu mối nhằm tập trung lượng hàng lớn, chất lượng cao phục vụ cho 3 kênh tiêu thụ: nội tỉnh, bán sang các tỉnh khác và chế biến.

Thứ năm, tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại và thị trường tiêu thụ nông sản

- Nâng cao chất lượng nông phẩm, giảm giá thành, cải tiến mẫu mã để nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường. Thực hiện đồng bộ các khâu tiếp thị, quảng cáo, thiết lập mạng lưới phân phối. Tăng cường các hình thức liên kết, liên doanh với các đối tác có kinh nghiệm và truyền thống.

- Các địa phương trong tỉnh cần tranh thủ sự giúp đỡ của các cơ quan chức năng để tiếp cận được chiến lược thị trường, tránh tình trạng sản xuất ồ ạt không theo quy hoạch. Theo dõi giá cả để đề xuất kịp thời với tỉnh và trung ương về những biến động của giá cả, giúp nông dân ổn định sản xuất những nông, lâm và thủy sản chính.

- Xây dựng chính sách khuyến mãi nhằm khuyến khích xuất khẩu dựa trên một số ưu đãi về vốn vay, thuế và các điều kiện kinh doanh. Thành lập quỹ phục vụ cho hoạt động xúc tiến thương mại nhằm hỗ trợ cho các nông hộ, trang trại, các hợp tác xã và các doanh nghiệp nông nghiệp tham gia sản xuất xuất khẩu. Xây dựng và đào tạo đội ngũ cán bộ làm thị trường và xúc tiến thương mại trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp.

- Tăng cường cập nhật thông tin kinh tế, đặc biệt là các thông tin về thị trường, giá cả và cung cấp để các tổ chức kinh tế cũng như nông dân nắm được, từ đó xác định được kế hoạch sản xuất, tiêu thụ sản phẩm một cách nhanh chóng, chính xác.

- Thiết lập mối quan hệ chặt chẽ giữa các khâu trong quá trình sản xuất nông nghiệp, từ khâu cung ứng vật tư, nguyên liệu, kỹ thuật, tổ chức sản xuất cho đến tiêu thụ sản phẩm. Hệ thống dịch vụ cũng cần được sắp xếp, tổ chức và quản lý theo hướng gắn liền với sản xuất. Hình thành mạng lưới đại lý cung ứng giống, vật tư, thiết bị kỹ thuật, bao tiêu sản phẩm, đặc biệt là đối với nông sản xuất khẩu.

- Tổ chức hội chợ nông sản để quảng bá sản phẩm nông nghiệp. Thành lập các hợp tác xã tiêu thụ làm đầu mối giữa người sản xuất và các cơ sở chế biến, các công ty xuất khẩu để tập trung sản phẩm. Bảo vệ và tiếp tục xây dựng thương hiệu cho các loại nông sản - đặc sản nổi tiếng của tỉnh v.v

Thứ sáu, cải thiện điều kiện sản xuất của nông hộ và của vùng

Mục tiêu của nhóm giải pháp này là từng bước nâng cao năng suất lao động; nâng cao chất lượng khâu thu hoạch, chế biến, bảo quản nông sản; tăng thêm thu nhập từ sản xuất nông nghiệp cho nông hộ, đảm bảo mục tiêu xóa đói giảm nghèo và hướng tới phát triển bền vững. Nội dung chi tiết của nhóm giải pháp này như sau:

- Lồng ghép với nhóm giải pháp về đào tạo và hỗ trợ vốn tín dụng để nâng cao nhận thức và khắc phục tình trạng thiếu vốn sản xuất, kinh doanh.

- Cung cấp cho người nông dân những biện pháp thu hoạch có hiệu quả, giảm thiểu thiệt hại do giảm phẩm cấp nông sản hay hao hụt trong quá trình thu hoạch.

- Đầu tư mua sắm, sửa chữa và cải tiến theo hướng hiện đại hóa các trang thiết bị, máy móc tại các cơ sở chế biến nông sản trong vùng. Nâng cấp tối thiểu 50% số cơ sở chế biến chế

trong tỉnh để các sản phẩm đủ tiêu chuẩn tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

- Phổ biến, áp dụng công nghệ chế biến rau quả với nhiều hình thức từ thủ công đến hiện đại và đa dạng hóa sản phẩm (sấy, muối, siro, rượu vang, nước quả, đồ hộp ...)

- Ở những vùng chuyên canh lớn, tập trung đầu tư các nhà máy chế biến mới với thiết bị, công nghệ hiện đại, đồng bộ cùng với phương tiện vận chuyển và kho tàng đạt trình độ tiên tiến. Đối với các vùng cây chuyên canh quy mô nhỏ (<500 ha), giao thông khó khăn, cần đầu tư các nhà xưởng quy mô nhỏ phục vụ nội tiêu trong vùng.

- Áp dụng đồng thời 2 phương pháp bảo quản: phương pháp cổ truyền và hiện đại (phương pháp hóa học, sinh học) để đảm bảo cả hình thức sản phẩm cũng như yêu cầu tuyệt đối an toàn cho người sử dụng. Khuyến khích và hỗ trợ về vốn để các hộ, nhóm hộ có điều kiện áp dụng công nghệ bảo quản lạnh với nhiều ưu điểm.

Theo độ dốc, với đất nông nghiệp có độ dốc lớn (trên 15°), quy hoạch thành các loại hình sử dụng đất có ưu thế về hiệu quả bảo vệ tài nguyên đất, hạn chế được xói mòn, rửa trôi; chuyển đổi từ phương thức sản xuất tự cung tự cấp sang sản xuất hàng hoá; nâng cao thu nhập trên một đơn vị diện tích. Các kiểu sử dụng đất thích hợp cho loại đất này là: trồng lúa nước trên ruộng bậc thang, trồng chè, trồng cây ăn quả, trồng cỏ chăn nuôi. Với đất nông nghiệp còn lại có độ dốc phổ biến nhỏ hơn 15°, quy hoạch thành những vùng trồng cây hàng năm theo hướng sản xuất sản phẩm hàng hoá; góp phần đảm bảo nhu cầu tối thiểu về lương thực, thực phẩm của cư dân bản địa; nâng cao thu nhập trên một đơn vị diện tích; gắn mỗi vùng trong tỉnh với một sản phẩm nông nghiệp đặc trưng.

Đồng thời với việc thực thi các giải pháp trên, cần quan tâm đến các giải pháp cụ thể cho từng loại đất: đất sản xuất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản và đất nông nghiệp khác.

3. Kết luận

Theo kết quả phân tích hồi quy, có 6 nhóm nhân tố cơ bản ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế trong sử dụng đất nông nghiệp tại địa bàn nghiên cứu. Đó là: điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, kỹ thuật - công nghệ áp dụng trong sản xuất nông nghiệp, điều kiện sản xuất của nông hộ và thị trường. Tất cả các nhân tố này đều có ảnh hưởng cùng chiều với thu nhập hỗn hợp trên một hecta đất nông nghiệp. Kết quả mô hình cho thấy mức độ ảnh hưởng của các nhân tố không như nhau, nhưng nếu một trong các nhân tố này được cải thiện, hoặc tất cả các nhân tố này đều được cải thiện sẽ làm tăng đáng kể thu nhập của nông hộ, làm tăng hiệu quả kinh tế trong sử dụng đất nông nghiệp tại Yên Bái.

Để đảm bảo tính khả thi của các giải pháp trên, tỉnh Yên Bái cần tập trung xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là chiến lược đào tạo, nâng cao nhận thức, trình độ chuyên môn, kỹ năng cho các cán bộ là người dân tộc thiểu số sống, làm việc tại vùng núi cao, vùng sâu, vùng xa nhằm đảm bảo điều kiện tiên quyết để nâng cao hiệu quả kinh tế trong sử dụng đất nông nghiệp, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

Lãnh đạo tỉnh và các địa phương trong tỉnh cần tăng cường nghiên cứu, học hỏi kinh nghiệm từ các nước có nền nông nghiệp phát triển, từ các tỉnh khác có nhiều đặc điểm tương đồng, mạnh dạn áp dụng các loại hình sử dụng đất nông nghiệp có hiệu quả kinh tế cao nhằm phát triển một nền nông nghiệp bền vững trong tương lai.

Tỉnh cần tiếp tục ưu tiên phát triển giao thông, thủy lợi ở các địa phương, đặc biệt chú trọng thủy lợi nhỏ ở các vùng sâu, vùng xa. Đây là giải pháp thiết thực góp phần cải thiện điều kiện sản xuất của nông hộ, làm tăng hiệu quả kinh tế trong sử dụng đất nông nghiệp, đảm bảo an ninh lương thực vùng núi, hạn chế canh tác nương rẫy. Khẩn trương xây dựng, thực hiện phương án nhà ở

bán kiên cố, đảm bảo đất sản xuất, an ninh lương thực cho các huyện, xã vùng sâu, vùng xa để hạn chế tình trạng canh tác nương rẫy và du canh, du cư.

Cần có thêm những nghiên cứu phân tích chi tiết hiệu quả kinh tế của từng loại cây trồng chính (hiệu quả kỹ thuật, hiệu quả phân bố) để cung cấp những thông tin chi tiết hơn cho người sản xuất trên đất nông nghiệp, góp phần làm tăng hiệu quả kinh tế trong sử dụng đất nông nghiệp, tăng thu nhập cho nông dân tại tỉnh Yên Bái./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Thống kê tỉnh Yên Bái, *Niên giám thống kê 2000 - 2011*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
2. Bùi Thị Thùy Dung (2009), *Bài giảng kinh tế sử dụng đất*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
3. Phạm Văn Hùng, Trần Đình Thao (1998), *Kinh tế lương*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
4. Phòng thống kê các huyện, thị: Yên Bình, Văn Chấn, Mù Cang Chải, Lục Yên, Văn Yên, Trạm Tấu, Nghĩa Lộ, Trấn Yên và thành phố Yên Bái, *Thống kê đất đai năm 2010*.
5. Phòng Tài nguyên và môi trường các huyện: Yên Bình, Văn Chấn, Mù Cang Chải, Trấn Yên, Lục Yên, Trạm Tấu, Văn Yên, thị xã Nghĩa Lộ, thành phố Yên Bái, *Báo cáo tình hình sử dụng đất 2005 - 2010*.
6. Đoàn Công Quý (2006), "Đánh giá hiệu quả kinh tế sử dụng đất canh tác ở các xã vùng đồng bằng huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây", *Số 25, (viết) - ISSN 0868-3743*, tr. 79 - 82, 93.
7. Alan Bryman (2003), *Advanced Quantitative Data Analysis*, Open University Press, First published 2003, Philadelphia, USA.
8. Erik Lichtenberg and Chengri Ding, "Land Use Efficiency, Food Security, and Farmland Preservation in China", *Land Lines*, April 2006, Pages 2-7.
9. Famous Russian Authors (2000), "Economic efficiency of agricultural land use", *Journal of Economics*, © Copyright by Economics Journal, Inc. ISSN 1077-5315.